

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

XÃ VÔ TRANH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:123 /QĐ-UBND

Vô Tranh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022 xã Vô Tranh

#### ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÔ TRANH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Vô Tranh về việc thu và phân bổ dự toán chi ngân sách xã Vô Tranh năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;*

*Xét đề nghị của Công chức Tài chính – Kế toán xã Vô Tranh,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số quyết toán ngân sách năm 2022 xã Vô Tranh.

*( Theo các biểu kèm theo Quyết định này )*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Công chức Tài chính – Kế toán xã, các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

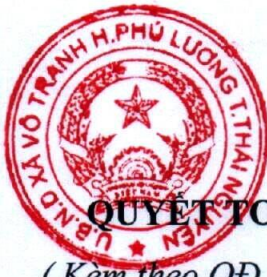
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng TC-KH;
- Đảng ủy xã, Hội đồng nhân dân xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Các trường xóm;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP,KT..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Phạm Anh Tuấn**





**PHỤ LỤC THUYẾT MINH CÔNG KHAI  
QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ VÔ TRANH NĂM 2022**

(Kèm theo QĐ số: 123/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 8 năm 2023 của UBND xã Vô Tranh)

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã Vô Tranh về việc thu và phân bổ dự toán chi ngân sách xã Vô Tranh năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022 huyện Phú Lương;

Ủy ban nhân dân xã Vô Tranh thuyết minh công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022, cụ thể như sau:

**I/. Thu ngân sách:**

Tổng thu ngân sách năm 2022: 9.119.814.740 đồng, trong đó:

**2.1. Thu điều tiết ngân sách: 784.828.383 đồng**

Khoản thu	Số tiền (Đồng)
Thuế thu nhập cá nhân	438.803.788
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.806.063
Thuế giá trị gia tăng	98.320.123
Phí trước bạ	96.815.409



Phí Môn bài	22.700.000
Phí chứng thực	60.759.000
Phí hộ tịch	8.624.000
Thu tiền phạt	46.000.000
<b>Tổng thu điều tiết thuế</b>	<b>784.828.383</b>

**2.2. Thu hồi các khoản chi năm trước: 25.960.000 đồng**

**2.3 . Thu kết dư ngân sách: 69.765.037 đồng**

**2.4. Thu chuyển nguồn: 147.600.000 đồng**

**2.5. Thu bổ sung ngân sách: 8.089.261.320 đồng. Trong đó:**

\* Thu bổ sung cân đối: 5.793.088.000 đồng

\* Thu bổ sung có mục tiêu: 2.296.173.320 đồng

**2.6. Thu tiền bán và thanh lý nhà thuộc sở hữu nhà nước: 2.400.000 đồng**

Trong đó:

+ Thanh lý cột bê tông tại chợ Bình Long thu ngân sách: 2.400.000 đồng

## **II/. Chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách năm 2022: 9.119.814.740 đồng, trong đó:

**1. Chi thường xuyên : 7.713.415.775 đồng**

(có biểu chi tiết kèm theo)

**2. Chi XDCB: 1.190.030.000 đồng**

( có biểu chi tiết kèm theo )

**3. Chi chuyển nguồn năm sau: 213.368.965 đồng**

**4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên: 3.000.000 đồng**

**III. Xác định kết dư ngân sách chuyển năm 2022: 0 đồng**

**IV. Thu chi quỹ công chuyên dùng, quỹ tiền gửi khác**

( Có biểu chi tiết kèm theo )

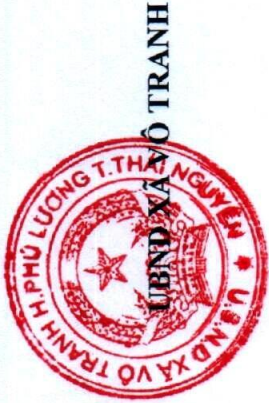
## **V/. Đánh giá chung:**

Nhìn chung, trong năm 2022, bộ phận kế toán đã chủ động tham mưu trong công tác tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động các ngành, các bộ phận, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường

xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022 (*Chi tiết theo biểu số 116,117,118,119,120/CKTC-NSNN kèm theo*).





UBND XÃ VÕ TRANH

Biểu số 116/CKTC-NSNN

### CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được HĐND quyết định)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng thu	9.119.814.740	Tổng chi	9.119.814.740
I. Các khoản thu 100%	143.743.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.190.030.000
II. Các khoản phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	669.445.383	II. Chi thường xuyên	7.713.415.775
III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.089.261.320	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau ( Nếu có )	213.368.965
Bổ sung cân đối ngân sách	5.793.088.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	3.000.000
Bổ sung có mục tiêu	2.296.173.320		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	69.765.037		
V. Thu chuyển nguồn	147.600.000		
Kết dư ngân sách	0		





UBND VÀ QUẢN LÝ

Biểu số 117/CKTC-NSNN

**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được HĐND quyết định)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG	Dự toán năm		Quyết toán		So sánh %	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
<b>TỔNG THU</b>						
	7.172.000.000	6.764.000.000	9.674.933.930	9.119.814.740	135	135
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	145.000.000	145.000.000	143.743.000	143.743.000	718	718
1. Phí, lệ phí	75.000.000	75.000.000	69.383.000	69.383.000	93	93
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	70.000.000	70.000.000	46.000.000	46.000.000	66	66
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Thu đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu kết dư ngân sách năm trước						
9. Thu hồi kinh phí năm trước						









Biểu số 118/CKTC-NSNN

**QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được HĐND quyết định)

Đơn vị tính: Đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1 = 2 + 3	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>6.764.000.000</b>	<b>0</b>	<b>6.764.000.000</b>	<b>9.119.814.740</b>	<b>1.256.387.956</b>	<b>7.863.426.784</b>	<b>135</b>		<b>116</b>
	Trong đó:	0			0					
1	Chi giáo dục	0								
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0								
3	Chi quốc phòng	682.656.000		682.656.000	622.409.820		622.409.820	91		91
4	Chi an ninh	483.424.000		483.424.000	492.591.800		492.591.800	102		102
5	Chi y tế	0			0					
6	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	84.087.400		84.087.400	240		240



7	Chi phát thanh, truyền hình	25.000.000		25.000.000	0							
8	Chi thể dục thể thao	0		0	8.386.600			8.386.600				
9	Chi bảo vệ môi trường	0		0	0							
10	Chi các hoạt động kinh tế	0		0	1.190.083.000		1.190.083.000	0				
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.245.967.000		5.245.967.000	6.425.408.160			6.425.408.160	122			122
12	Chi cho công tác xã hội	78.953.000		78.953.000	80.532.000			80.532.000	102			102
13	Chi khác	80.000.000		80.000.000	0		0					
14	Chi chuyển nguồn	0			213.368.965		66.357.956	147.011.009				
15	Dự phòng ngân sách	133.000.000		133.000.000								





**UBND XÃ VÕ TRANH**

**Biểu số 119/CK TC-NSNN**

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

**ĐVT: Đồng**

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Tổng số	Giá trị đã thanh toán năm 2022		Chia theo nguồn vốn	
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Trong đó t/toán KL năm trước	Nguồn đóng góp		
								NS	Nguyên đóng góp	
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>4.189.169.171</b>	<b>1.711.611.637</b>	<b>4.769.814.442</b>	<b>1.190.030.000</b>	<b>2.290.299.000</b>	<b>1.190.030.000</b>	<b>0</b>	
	<b>Công trình chuyển tiếp</b>		<b>3.389.169.171</b>	<b>1.711.611.637</b>	<b>4.119.814.442</b>	<b>940.030.000</b>	<b>2.290.299.000</b>	<b>940.030.000</b>	<b>0</b>	
1	Đường trục chính đi K4 Phú Sơn (giai đoạn 3), xã Võ Tranh	2016	787.253.442	274.828.442	763.734.000	89.947.000	673.787.000	89.947.000		
2	Đường bê tông xóm Trung Thành 3 (giai đoạn 2), xã Võ Tranh	2016	855.292.597	298.676.597	827.537.000	91.000.000	446.512.000	91.000.000		
3	Trung tâm học tập cộng đồng xã Võ Tranh. Hàng mục: Sân bê tông và hàng rào	2019	857.433.132	0	852.100.000	222.000.000	630.000.000	222.000.000		
4	Đường bê tông xóm Trung Thành 2 năm 2021	2021	686.334.593	466.328.492	686.334.593	219.202.000	220.000.000	219.202.000		
5	Đường bê tông nhánh xóm Liên Hồng 4 năm 2021	2021	589.646.232	399.273.232	589.646.232	190.373.000	190.000.000	190.373.000		
6	Đường bê tông xóm Tân Bình 1 năm 2021	2021	400.462.617	272.504.874	400.462.617	127.508.000	130.000.000	127.508.000		
	<b>Công trình khởi công mới</b>		<b>800.000.000</b>	<b>0</b>	<b>650.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>0</b>	<b>250.000.000</b>	<b>0</b>	
7	Sửa chữa nhà làm việc bộ phận một cửa, UBND xã Võ Tranh	2022	800.000.000		650.000.000	250.000.000	0	250.000.000		





UBND XÃ TỖ TRANH

Biểu số 120/CK TC- NSNN

**KẾ HOẠCH CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022**  
(Quyết toán đã được HĐND quyết định)

Nội dung	KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN		Chênh lệch (+) (-)	
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu		Chi
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>0</b>	<b>462.764.693</b>	<b>176.607.265</b>	<b>286.157.428</b>
<b>1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng</b>	<b>180.000.000</b>	<b>180.000.000</b>	<b>0</b>	<b>126.807.000</b>	<b>73.800.000</b>	<b>53.007.000</b>
- Quỹ Người Cao Tuổi	21.000.000	21.000.000	0	20.600.000	6.700.000	13.900.000
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	40.000.000	40.000.000	0	38.664.000	22.500.000	16.164.000
- Quỹ bảo trợ trẻ em	10.000.000	10.000.000	0	8.464.000	0	8.464.000
- Quỹ vì người nghèo	45.000.000	45.000.000	0	44.904.000	40.000.000	4.904.000
- Quỹ Đa cam	10.000.000	10.000.000	0	8.590.000	600.000	7.990.000
- Quỹ Nhân Đạo	54.000.000	54.000.000	0	5.000.000	4.000.000	1.000.000
- Quỹ ANQP		0		77.000	0	77.000
- Quỹ khác				508.000	0	508.000
<b>2. Hoạt động tài chính khác</b>				<b>180.328.799</b>	<b>0</b>	<b>180.328.799</b>
Quỹ chính sách				16.150.000	0	16.150.000